

**CÔNG TY TNHH MAY H&K VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MAY H&K VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: H&K VIETNAM GARMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: H&K VNG CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703033212

**3. Ngày thành lập:** 20/01/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số T27/2M, Đường N10, Tổ 27, Khu phố Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0934978897

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                  | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                          | 4512     |
| 3.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                                                   | 4530     |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                    | 4541     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                | 4543     |
| 6.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                               | 4620     |
| 7.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ                                                                       | 4631     |
| 8.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                   | 4632     |
| 9.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                     | 4633     |
| 10. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                 | 4641     |
| 11. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                   | 4649     |
| 12. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                  | 4651     |
| 13. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                   | 4652     |
| 14. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                               | 4653     |
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                      | 4659     |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                              | 4663     |
| 17. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                    | 4669     |
| 18. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                    | 4690     |
| 19. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711     |
| 20. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                   | 4719     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |                                                              |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                           | 4721                                                         |
| 22. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4722                                                         |
| 23. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                              | 4723                                                         |
| 24. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                   | 4730                                                         |
| 25. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                      | 1392                                                         |
| 26. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)<br>(trừ tẩy, nhuộm, hồ, in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may, đan và gia công hàng đã qua sử dụng tại trụ sở)                                                                              | 1410(Chính)                                                  |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                              | 4774                                                         |
| 28. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                            | 4781                                                         |
| 29. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                    | 4782                                                         |
| 30. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                          | 4783                                                         |
| 31. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                         | 4784                                                         |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                  | 4789                                                         |
| 33. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                      | 4741                                                         |
| 34. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                   | 4742                                                         |
| 35. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4751                                                         |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                        | 4752                                                         |
| 37. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4753                                                         |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                     | 4759                                                         |
| 39. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                    | 4761                                                         |
| 40. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                  | 4763                                                         |
| 41. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4764                                                         |
| 42. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                            | 4771                                                         |
| 43. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                     | 4772                                                         |
| 44. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4773                                                         |
| 45. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 22.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên            | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|---------------------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VINH THUY DIỄM QUỲNH | Việt Nam  | 005 Lô X C/c Ngõ Gia Tự, Phường 02, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam     | 2.150.000.000         | 97,730    | C5836828                                                                                                |         |
| 2   | TRỊNH HÒA THUẬN           | Việt Nam  | Số 292/19 Nguyễn Xí, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 500.000.000           | 2,270     | 051176015428                                                                                            |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: TRẦN VĨNH THUY DIỄM QUỲNH

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc*

Sinh ngày: 27/06/1973

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: C5836828

Ngày cấp: 24/08/2018

Nơi cấp: *Cục Quản lý xuất nhập cảnh*

Địa chỉ thường trú: 005 Lô X C/c Ngô Gia Tự, Phường 02, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: *Biệt Thự Số 7, Vanivila, 79 Khu Phố Bình Hòa, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương